

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phụng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Miện.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Lương Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 94/2019/TLST-DS ngày 09/4/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐST-DS ngày 28/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-DS ngày 15/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ST. Địa chỉ: Số 166-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là: Bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm: 1983, địa chỉ: Số 67A đường Lê Hồng Phong, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 299/2019/GUQ-CN.BRVT ngày 22/4/2019). (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Cao Lâm T, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Số 41/1 đường Ngô Quyền, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2019, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Lan H trình bày:

Ngân hàng TMCP ST (tên viết tắt S) chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu cho anh Cao Lâm T vay hai khoản vay, cụ thể: Khoản vay tín chấp không có tài sản bảo đảm đã được S chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu và anh T ký Hợp đồng tín dụng số

LD1712600060 ngày 06/5/2017 với nội dung như sau: S chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu cho anh T vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), hình thức vay tín chấp, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất trong hạn 8,4%/năm cố định trong suốt thời gian vay, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn theo quy định trong hợp đồng tín dụng nêu trên tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Phương thức trả nợ là trả cả gốc và lãi trong 48 kỳ, kỳ hạn trả nợ hàng tháng; Và khoản vay thẻ tín dụng đã được S chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu và anh T ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/6/2017, số tài khoản thẻ 3013774389, hạn mức tiền vay là 10.000.000đ (mười triệu đồng), lãi suất thẻ là 2,5%/tháng (30%/năm). (Bl 41 đến 48 tập 1)

Quá trình thực hiện các hợp đồng vay, anh T đã trả cho S chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu số tiền gốc và lãi là 17 kỳ đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số LD1712600060 ngày 06/5/2017, cụ thể: tiền gốc đã trả 36.111.000đ và tiền lãi là 11.900.000đ, anh T còn nợ gốc là 63.889.000đ và tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn; Đối với khoản vay thẻ tín dụng thì từ khi vay đến nay anh T chưa trả cho Ngân hàng gốc và lãi. Nay, S khởi kiện yêu cầu anh T trả tổng số tiền nợ gốc và lãi tính từ ngày 10/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (08/8/2019) đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số LD1712600060 là 71.913.000đ (Bảy mươi một triệu chín trăm mười ba ngàn đồng), trong đó: nợ gốc là 63.889.000đ, lãi suất trong hạn là 6.984.000đ và lãi suất quá hạn là 1.040.000đ; Trả nợ gốc và lãi tính từ ngày 28/02/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (08/8/2019) đối với khoản vay của thẻ tín dụng tổng số tiền là 16.041.666đ (mười sáu triệu không trăm bốn một ngàn sáu trăm sáu sáu đồng), trong đó: nợ gốc là 10.399.666đ và tiền lãi suất là 5.642.000đ. Ngoài ra, S yêu cầu anh T trả tiền lãi phát sinh tiếp tục được tính từ ngày 09/8/2019 cho đến khi anh T trả xong nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD1712600060 ngày 06/5/2017 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/6/2017. (Bl 52, 53 tập 1 và biên bản phiên tòa)

2. Đối với bị đơn anh Cao Lâm T: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của anh T tại Công an phường T, thành phố V thì anh T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 41/1 đường Ngô Quyền, phường T, thành phố V và trước đây có cư trú tại địa chỉ này, nhưng đã bỏ đi khỏi địa chỉ nêu trên và không khai báo cho Công an phường T nơi anh T chuyển đến. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh T theo đúng quy định pháp luật.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa có căn cứ xác định bị đơn anh Cao Lâm T có ký Hợp đồng tín dụng số LD1712600060 ngày 06/5/2017 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/6/2017 vay tiền S, nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ và còn nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số LD1712600060 là 71.913.000đ (Bảy mươi một triệu chín trăm mười ba ngàn đồng); nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm đối với khoản vay của thẻ tín dụng là tổng số tiền là 16.041.666đ (mười sáu triệu không trăm bốn một ngàn sáu trăm sáu sáu

đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 09/8/2019 cho đến khi trả xong nợ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S đối với bị đơn anh Cao Lâm T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

S khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền còn nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số LD1712600060 ngày 06/5/2017 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/6/2017 nên đây là quan hệ tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và bị đơn anh T có địa chỉ thường trú tại số 41/1 đường Ngô Quyền, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Bị đơn anh T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 41/1 đường Ngô Quyền, phường T, thành phố V và trước đây có cư trú tại địa chỉ này, nhưng đã bỏ đi khỏi địa chỉ nêu trên và không khai báo cho Công an phường T nơi anh T chuyển đến, nên đây là trường hợp anh T cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh T theo đúng quy định pháp luật. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số LD1712600060 ngày 06/5/2017, Bảng kê tính lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng ngày 08/8/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/6/2017, Tóm tắt sao kê ngày 08/8/2019 thì anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng và Giấy đề nghị kèm hợp đồng kể từ ngày 10/11/2018 và ngày 28/02/2018. Vì vậy, S yêu cầu anh T trả tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh là có căn cứ theo quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng số LD1712600060 ngày 06/5/2017:

[2.1.1] Đối với yêu cầu anh T thanh toán số tiền nợ gốc là 63.889.000đ: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số LLD1712600060 ngày 06/5/2017 tổng số tiền anh T vay của Ngân hàng là 100.000.000đ, kể từ khi vay đến nay anh T đã trả 17 kỳ gốc với số tiền là 36.111.000đ, từ kỳ 18 đến nay anh T không trả nợ gốc cho S. Căn cứ mục 8 và 11 của Hợp đồng tín dụng ngày 06/5/2017 hai bên thỏa thuận thời hạn vay 48 tháng, phương thức trả nợ gốc hàng tháng vào ngày cuối cùng mỗi tháng, nên việc anh T chỉ mới trả gốc từ kỳ 01 đến kỳ 17 còn từ kỳ 18 đến nay không trả nợ gốc cho S là anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cho S. Do đó, S yêu cầu anh T trả số tiền nợ gốc còn lại là 63.889.000đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. (Bl 43, 53 tập 1, Bl 69, 72 tập 4 và biên bản phiên tòa).

[2.1.2] Về yêu cầu tiền lãi phát sinh tính tới ngày xét xử sơ thẩm là 8.024.000đ, trong đó tiền lãi trong hạn là 6.984.000đ và lãi quá hạn là 1.040.000đ: Căn cứ mục 5 và mục 6 của Hợp đồng tín dụng ngày 06/5/2017 hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn được tính tại thời điểm vay là 0,7%/tháng (8,4%/năm) cố định trong suốt thời hạn vay và lãi suất vay được tính trên toàn bộ nợ gốc vay ban đầu cho đến khi trả xong nợ gốc, xét sự thỏa thuận nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng. Về thời hạn trả lãi vay các bên thỏa thuận trả vào ngày cuối cùng hàng tháng, anh T đã trả được 17 kỳ lãi vay từ kỳ 18 đến nay anh T không trả, nên việc S yêu cầu anh T tiếp tục trả lãi suất vay từ kỳ 18 đến nay (từ ngày 10/11/2018 đến ngày 08/8/2019) số tiền là 6.984.000đ là đúng với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Về lãi suất quá hạn tại điểm f mục 1 của Phụ lục Hợp đồng tín dụng ngày 06/5/2017 hai bên thỏa thuận bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, hai bên thỏa thuận sau mười ngày kể từ ngày trả nợ gốc của kỳ trả trước mà bên vay không thanh toán nợ thì số tiền nợ gốc còn lại sẽ chuyển sang nợ quá hạn. Như vậy, thời điểm chuyển nợ quá hạn của anh T là ngày 10/11/2018 như nguyên đơn yêu cầu là đúng. Như vậy số tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm anh T phải trả cho S là 1.040.000đ. Vì vậy, S yêu cầu anh T trả số tiền lãi quá hạn là 1.040.000đ có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. (B1 42, 43 tập 01 và biên bản phiên tòa)

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh của Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 06/6/2017:

[2.2.1] Đối với yêu cầu anh T thanh toán số tiền nợ gốc là 10.399.666đ: Căn cứ Giấy đề cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/6/2017 tổng số tiền anh T vay của Ngân hàng là nợ gốc là 10.399.666đ, trong đó số tiền vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng là 10.000.000đ và 399.666đ là phí trễ hạn đóng gốc số tiền này được hai bên thỏa thuận chuyển thành nợ gốc. Xét thấy từ khi vay đến nay anh T chưa trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 10.399.666đ. Do đó, S yêu cầu anh T trả số tiền nợ gốc 10.399.666đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận (B1 45, 46, 47, 48 tập 1 và biên bản phiên tòa)

[2.1.2] Về yêu cầu tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.642.000đ: Căn cứ Giấy đề cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/6/2017 và biểu phí dịch vụ thẻ S phát hành tại Việt Nam (áp dụng cho khách hàng cá nhân), hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn tại thời điểm vay là 2,5%/tháng (30%/năm) và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét thấy việc hai bên thỏa thuận mức lãi suất trong hạn và quá hạn nêu trên là tự nguyện nên sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng. Căn cứ tài liệu, chứng cứ thể hiện anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với khoản vay này nên toàn bộ số tiền nợ gốc được chuyển sang nợ quá hạn. Thời điểm tính lãi quá hạn đối với khoản vay thẻ tín dụng của anh T là ngày 28/02/2018. Như vậy, tính từ ngày 28/02/2018 đến ngày 08/8/2019 số tiền lãi quá hạn anh T phải trả cho S là 5.642.000đ. Xét yêu cầu khởi kiện của S buộc anh T trả số tiền lãi quá hạn 5.642.000đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu anh T trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 09/8/2019 đến khi trả xong nợ: Yêu cầu này của S là phù hợp với quy định của pháp luật và hợp

đồng tín dụng, Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng các bên đã ký kết. Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, anh T phải thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 09/8/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ cho S.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP ST (S) đối với bị đơn anh Cao Lâm T.

Buộc anh Cao Lâm T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP ST tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/8/2019 của Hợp đồng tín dụng ngày 06/5/2017 là 71.913.000đ (Bảy mươi một triệu chín trăm mười ba ngàn đồng), trong đó: nợ gốc là 63.889.000đ, lãi suất trong hạn là 6.984.000đ và lãi suất quá hạn là 1.040.000đ.

Buộc anh Cao Lâm T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP ST tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/8/2019 là 16.041.666đ (mười sáu triệu không trăm bốn một ngàn sáu trăm sáu sáu đồng), trong đó: nợ gốc là 10.399.666đ và tiền lãi suất quá hạn là 5.642.000đ.

Kể từ ngày 09/8/2019, anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất anh Cao Lâm T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP ST cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng tổ chức tín dụng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh T phải nộp là 4.397.733đ (bốn triệu ba trăm chín bảy ngàn bảy trăm ba ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP ST là 2.000.000đ (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0009220 ngày 09/4/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. VT;
- Chi Cục THA DS Tp.VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

Ngô Thị Phụng